

Số: 22 /2019/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng
thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 341/TT-STNMT ngày 16/4/2019, kèm theo Báo cáo thẩm định số 128/BCTĐ-STP ngày 18/3/2019 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2019, thay thế Quyết định số 2031/2012/QĐ-UBND ngày 29/6/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa về ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

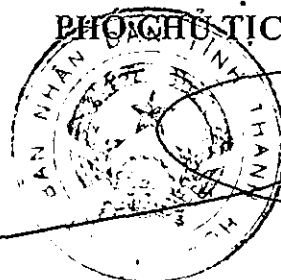
Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy, T. trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Công TTĐT tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

QUY CHẾ**Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu
tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám, tài nguyên và môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi chung là thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường); cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu về tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức cá nhân trong việc thu thập quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

2. Các nội dung không quy định tại Quy chế này, thực hiện theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có hoạt động thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Dữ liệu về tài nguyên và môi trường được quy định chi tiết tại Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 4. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Theo Điều 5, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ.

Điều 5. Nguyên tắc phân cấp thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường đảm bảo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế tại tỉnh

Thanh Hóa nhằm phục vụ tốt công tác quản lý Nhà nước và các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học và giáo dục - đào tạo.

Điều 6. Sự tham gia của các tổ chức, cá nhân

Theo Điều 6, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ.

Điều 7. Kinh phí thu thập, xử lý thông tin, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do ngân sách nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện bảo đảm, được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế hàng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Phí khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Chương II

THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 8. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong việc thu thập và giao nộp thông tin, dữ liệu.

2. Gửi thông báo tới Bộ Tài nguyên và Môi trường và Sở Tài nguyên và Môi trường về danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do mình sở hữu theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 9. Trách nhiệm giao nộp dữ liệu về tài nguyên và môi trường đối với các đơn vị, phòng chuyên môn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Các đơn vị, phòng chuyên môn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao có tạo ra các kết quả là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày hoàn thành (hoặc nghiệm thu sản phẩm) có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở) một bộ dữ liệu dạng giấy (bản chính, bản gốc) và một bộ dữ liệu dạng số lưu trên đĩa CD hoặc DVD.

2. Dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nộp phải được lập thành biên bản (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này) và lưu vào hồ sơ theo Quy chế này.

Biên bản giao nộp dữ liệu cho Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

Điều 10. Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ công tác lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng

1. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch thu thập, tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh căn cứ kế hoạch được phê duyệt, thực hiện:

a) Thu thập, tập hợp, lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đối với các thông tin, dữ liệu trực tiếp quản lý, lưu trữ và cung cấp;

b) Thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

c) Xây dựng, cập nhật danh mục, thông tin mô tả để phục vụ công bố, tra cứu, cung cấp.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chương III

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 11. Cơ sở thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường là tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí.

2. Cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo phân cấp về việc quản lý, thu thập, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại tỉnh bao gồm:

a) Cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý.

b) Cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường cấp huyện do Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện xây dựng, lưu trữ, quản lý.

c) Cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã do UBND cấp xã thu thập, lưu trữ và quản lý.

d) Cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thành phần của tỉnh là tập hợp toàn bộ các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của các sở, ban, ngành do các sở, ban, ngành xây dựng, thu thập và quản lý.

Điều 12. Cơ sở thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh

1. Là tập hợp thống nhất toàn bộ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên phạm vi toàn tỉnh được chuẩn hóa theo chuẩn quốc gia trên cơ sở tích hợp cơ sở dữ liệu của từng lĩnh vực thuộc ngành tài nguyên và môi trường, được số hóa để có thể cập nhật, quản lý, khai thác bằng hệ thống công nghệ thông tin.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm giúp UBND tỉnh trong việc chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xây dựng lưu trữ và quản lý cơ sở thông tin, dữ liệu môi trường cấp tỉnh.

3. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức, cá nhân quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp danh mục thông tin, dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh nhằm thống nhất trong quản lý khai thác và công bố thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường.

Điều 13. Cơ sở thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp huyện

1. Là tập hợp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên phạm vi cấp huyện quản lý, được thu thập từ các phòng, ban và Ủy ban nhân dân cấp xã để đưa vào cập nhật, lưu trữ và quản lý theo quy định.

2. Cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện là Phòng Tài nguyên và Môi trường. Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc xây dựng, lưu trữ và quản lý cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh theo quy chế này.

Điều 14. Thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường cấp xã

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã thu thập, quản lý, sử dụng trên địa bàn và có trách nhiệm cung cấp cho cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện và tỉnh.

Điều 15. Cơ sở thông tin dữ liệu về tài nguyên và môi trường thành phần

1. Cơ quan chuyên môn thu thập quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại các sở, ban, ngành của tỉnh có trách nhiệm giúp Thủ trưởng các cơ quan xây dựng cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn quản lý theo chức năng nhiệm vụ của mình.

2. Các sở, ban, ngành của tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu ở đơn vị mình; đồng thời có trách nhiệm cung cấp danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho cơ sở thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

Điều 16. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

1. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.
2. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.
3. Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao.
4. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu.

Điều 17. Kiểm tra, đánh giá, xử lý, cập nhật dữ liệu

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.
2. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện.
3. UBND cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã.

Điều 18. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Công tác bảo quản, lưu trữ và tu bổ thực hiện theo đúng quy định tại Luật Lưu trữ và các văn bản hướng dẫn nhằm tạo ra các điều kiện tốt nhất để bảo đảm an toàn và kéo dài tuổi thọ cho tài liệu, nhằm phục vụ tốt các yêu cầu khai thác, sử dụng tài liệu.

Điều 19. Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng.
2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.
3. Việc in, sao, chụp, vận chuyển, giao nhận, truyền dữ liệu tài liệu, lưu giữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải tuân theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương IV
KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 20. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa, Trang thông tin điện tử Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa, Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức công bố danh mục, thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh phục vụ tra cứu, cung cấp, khai thác, chia sẻ và sử dụng.

Điều 21. Thủ tục khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo các hình thức sau đây:

1. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu.

a) Tổ chức, cá nhân khi khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu phải đăng ký và được cấp quyền truy cập, khai thác thông tin, dữ liệu từ cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu;

b) Tổ chức, cá nhân được cấp quyền truy cập có trách nhiệm truy cập đúng địa chỉ, mã khóa; không được làm lộ địa chỉ, mã khóa truy cập đã được cấp.

2. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu.

a) Đối với các phòng chuyên môn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Các đơn vị thuộc Sở có nhu cầu khai thác và sử dụng hồ sơ, tài liệu lưu trữ để phục vụ nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan, đơn vị phải có phiếu yêu cầu cung cấp thông tin hoặc văn bản yêu cầu (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này) có xác nhận của trưởng đơn vị và ghi rõ danh mục hồ sơ, tài liệu cần khai thác; mục đích khai thác, sử dụng hồ sơ, tài liệu kèm theo văn bản là văn bản chỉ đạo của Lãnh đạo Sở giao thực hiện nhiệm vụ liên quan đến tài liệu khai thác, văn bản được gửi trực tiếp về Trung tâm Công nghệ thông tin (phục vụ cho khai thác hồ sơ không bao gồm sao y, in ấn, phô tô tài liệu).

b) Đối với tổ chức, cá nhân bên ngoài.

- Tổ chức, cá nhân khi khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường lập phiếu yêu cầu, văn bản yêu cầu (theo Mẫu số 02, Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này) nộp trực tiếp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Thủ tục: Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh), mã thủ tục: BTM-THA-265049).

- Trường hợp đặc biệt cung cấp dữ liệu phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, phục vụ yêu cầu trực tiếp của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, phục vụ yêu cầu của các đoàn Thanh tra, kiểm toán đến làm việc tại Sở hoặc trong tình trạng khẩn cấp, các đơn vị quản lý tài liệu lưu trữ về tài nguyên và môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan.

Điều 22. Thẩm quyền cung cấp, phạm vi, mức độ, đối tượng được phép khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép cung cấp sử dụng tài liệu Tối mật.

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố trong tỉnh Thanh Hóa cho phép cung cấp sử dụng tài liệu Mật.

3. Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường cho phép cung cấp sử dụng tài liệu ngoài các tài liệu đã quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này.

Chương V

KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG

Điều 23. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện

Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện; giữa các cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường và giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trên nguyên tắc:

1. Kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm việc tiếp cận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ kịp thời cho việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3. Bảo đảm việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu được thông suốt, kịp thời, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin.

Điều 24. Phối hợp kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành, các địa phương trong việc xây dựng quy trình, quy định về kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường mạng; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện về kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường mạng.

2. Các Sở, ban, ngành trong phạm vi quản lý liên quan đến thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường mạng do cơ quan quản lý với các Sở, ngành và địa phương theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường mạng do cơ quan quản lý với các Sở, ban, ngành và địa phương khác theo quy định.

Điều 25. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường mạng

1. Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường bao gồm thông tin, dữ liệu thời gian thực và thông tin, dữ liệu có độ trễ về thời gian (phải qua các bước phân tích, xử lý). Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường có ý nghĩa rất quan trọng đối với ứng phó, xử lý kịp thời trong công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai, thảm họa.

2. Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường, đặc biệt là thông tin dữ liệu thời gian thực từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc bắt buộc quan trắc quy định của pháp luật phải được thu nhận, tích hợp và chia sẻ, cung cấp kịp thời cho các cơ quan, tổ chức có chức năng, phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường thu thập, thu nhận, tổ chức quản lý thống nhất thông tin, dữ liệu tình về quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường mạng, tổ chức thành cơ sở dữ liệu tình từ Sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức liên quan, thực hiện việc tổng hợp, xử lý, chia sẻ phục vụ nhu cầu chung của xã hội.

4. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện thu thập, thu nhận, quản lý, cung cấp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường theo thẩm quyền quản lý; cung cấp, tích hợp thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường về cơ sở dữ liệu tình cho Sở Tài nguyên và Môi trường; sử dụng thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu tình về quan trắc tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 26. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh; tổ chức, chỉ đạo các cơ quan quản lý thực hiện thu thập, quản lý, lưu trữ, cung cấp và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh và tổ chức thực hiện.

Sở Tài nguyên và Môi trường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin – đơn vị trực thuộc, thực hiện thu thập, quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Sở, ban, ngành chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do mình thu thập.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện thu thập, quản lý, lưu trữ, cung cấp và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường ở địa phương.

Điều 27. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh; tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.

2. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường của tỉnh và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Internet, trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh; biên tập, phát hành thông tin tài nguyên và môi trường cấp tỉnh;

3. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

4. Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tiến hành điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm;

b) Cung cấp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

trường; thu phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh theo quy định;

c) Tổ chức quản lý, xây dựng, vận hành, khai thác và bảo trì Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; tổng hợp tình hình xây dựng, cập nhật, vận hành và khai thác Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh;

d) Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

5. Hướng dẫn, kiểm tra các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác thu thập, quản lý, cung cấp, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

6. Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 28. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh

Các Sở, ban, ngành trong phạm vi quản lý liên quan đến thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, có trách nhiệm:

1. Đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường do các Sở, ban, ngành được giao quản lý, với chức năng nhiệm vụ được giao, các Sở, ban, ngành tổ chức thực hiện thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định.

2. Đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập.

3. Lưu trữ, bảo quản lâu dài và tổ chức xây dựng, vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ quản lý, cung cấp, chia sẻ, sử dụng.

4. Cung cấp thông tin, dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật; kết nối, trao đổi thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do mình quản lý với các Sở, ban, ngành khác liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Gửi thông báo tới Sở Tài nguyên và Môi trường về danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do đơn vị quản lý theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

6. Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện về các quy định bảo mật thông tin đảm bảo việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường mạng an toàn, an ninh mạng.

7. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thực hiện pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

8. Sở Tài chính hướng dẫn Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập dự toán xây dựng kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh hằng năm; thẩm định dự toán kế hoạch, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành.

Điều 29. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

1. Phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do đơn vị được giao quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trình; chỉ đạo thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện:

a) Lập và trình kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; tổ chức thực hiện thu thập, đánh giá, quản lý, lưu trữ, công bố, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo đúng quy định đã được ban hành;

b) Tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

c) Phân công cán bộ phụ trách công tác lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

d) Gửi thông báo tới Sở Tài nguyên và Môi trường về danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do đơn vị quản lý theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

e) Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 30. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc khai thác, sử dụng và thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm và quyền hạn:

a) Tuân thủ các nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 4 Quy chế này;

b) Không được chuyển thông tin, dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu. Tổ chức cá nhân khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin,

dữ liệu có trách nhiệm làm rõ nguồn gốc thông tin, dữ liệu khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu;

c) Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng;

d) Trả phí khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí;

đ) Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

e) Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp;

g) Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của mình;

h) Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp thông tin, dữ liệu cung cấp thông tin, dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

2. Tổ chức, cá nhân thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm:

a) Thông báo với Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

b) Tuân thủ quy định của pháp luật về thu thập, tạo lập và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng;

c) Bảo đảm tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

d) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành

Các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau đây:

1. Đối với các nội dung công việc, nhiệm vụ mà cơ quan, tổ chức, cá nhân đang thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2031/2012/QĐ-UBND ngày 29/6/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa được tiếp tục thực hiện theo thời hạn đã xác định của nội dung, nhiệm vụ, sau thời hạn đó tuân thủ theo quy định của Quy chế này.

2. Đối với những thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là sản phẩm của nội dung công việc, nhiệm vụ đang triển khai thực hiện nhưng chưa được kiểm tra, nghiệm thu thì cơ quan quản lý xem xét điều kiện, điều chỉnh nội dung để tổ chức thực hiện các công việc theo quy định của Quy chế này.

Điều 32. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

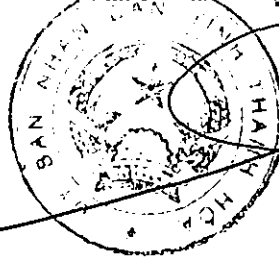
2. Giám đốc các Sở, Trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung theo yêu cầu tại Quy chế này và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để tổng hợp, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH *clan*



Nguyễn Đức Quyền

Nguyễn Đức Quyền

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Mẫu số 01	Thông báo cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
Mẫu số 02	Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
Mẫu số 03	Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đối với cá nhân nước ngoài tại Việt Nam
Mẫu số 04	Báo cáo tình hình cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
Mẫu số 05	Biên bản giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Mẫu số 01

Thông báo cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngàythángnăm

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân:.....

Người đại diện trước pháp luật (đối với tổ chức):.....

Số CMND/Căn cước công dân, ngày, nơi cấp (đối với cá nhân):.....

2. Địa chỉ:.....

3. Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

Thực hiện Quyết định số/2019/QĐ-UBND ngày/...../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường,

(Tên tổ chức/cá nhân) thông báo về danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đang lưu trữ như sau:

TT	Danh mục thông tin, dữ liệu cung cấp	Mô tả về thông tin, dữ liệu	Nguồn gốc thông tin, dữ liệu
1			
2			

Chúng tôi cam kết thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tuân thủ theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ và chịu trách nhiệm về nguồn gốc của thông tin, dữ liệu./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu:.....
- Số CMND/Căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân):.....
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại, fax, E-mail:.....
4. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu cần cung cấp:.....
5. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:.....
6. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện,...):.....
7. Cam kết sử dụng thông tin, dữ liệu:.....

....., ngày tháng năm

**NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP
THÔNG TIN, DỮ LIỆU¹**

¹Trường hợp là cơ quan, tổ chức yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu thì thủ trưởng cơ quan ký tên, đóng dấu; là cá nhân phải ký tên, ghi rõ họ tên

Mẫu số 03

Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đối với cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi:

1. Người yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu:.....
2. Nơi đang làm việc, học tập:.....
3. Quốc tịch, số hộ chiếu:.....
4. Điện thoại, fax, E-mail:.....
5. Danh mục và nội dung thông tin, dữ liệu cần cung cấp:.....
6. Mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu:.....
7. Hình thức khai thác, sử dụng và phương thức nhận kết quả (xem, đọc tại chỗ; sao chụp; nhận trực tiếp tại cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi qua đường bưu điện,...):
8. Cam kết của người yêu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu:

**XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC
NƠI ĐANG LÀM VIỆC, HỌC TẬP**
(Ký xác nhận, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI YÊU CẦU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 04

Báo cáo tình hình cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
CUNG CẤP THÔNG TIN, **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG

Số:/BC-.....

....., ngàythángnăm

BÁO CÁO

Tình hình cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Năm (Từ tháng năm đến tháng năm)

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân:.....

Người đại diện trước pháp luật (đối với tổ chức):.....

Số CMND/Căn cước công dân, ngày, nơi cấp (đối với cá nhân):.....

2. Địa chỉ:.....

3. Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:

4. Các thông tin, dữ liệu đã cung cấp:.....

TT	Nội dung, phạm vi, khối lượng thông tin, dữ liệu	Tổ chức/cá nhân được cung cấp	Thời gian thực hiện	Kinh phí cung cấp	Ghi chú
1					
2					
3					

Chúng tôi/Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung báo cáo này./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC/CÁ NHÂN*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 05

Biên bản giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NỘP

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Căn cứ Quyết định số/2019/QĐ-UBND ngày/...../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa,

Hôm nay, ngày tháng năm tại Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa, chúng tôi gồm có:

1. Đại diện bên giao:

Ông/Bà:..... Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

2. Đại diện bên nhận: thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường

Ông/Bà:..... Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

Hai bên tiến hành giao, nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của nhiệm vụ/công trình/dự án để nhập vào kho lưu trữ theo quy định.

Khối lượng thông tin, dữ liệu được thống kê theo bảng như sau:

TT	Thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1				
TỔNG CỘNG				

Hai bên đã giao nhận đầy đủ toàn bộ hồ sơ được thống kê ở trên và nhất trí ký vào biên bản. Biên bản này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN¹

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên)

¹Trường hợp là cơ quan, tổ chức giao nộp thông tin, dữ liệu thì thủ trưởng cơ quan ký tên, đóng dấu; là cá nhân phải ký tên, ghi rõ họ tên.